TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 38

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 211 233, 121 233, 211 243, 121 133 là:

A. 121 133 **B.** 121 233 **C.** 211 243 **D.** 211 233

Câu 2. Trong số 6 997 832, chữ số 8 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng trăm, lớp nghìn **B.** hàng trăm, lớp đơn vị

C. hàng chục, lớp đơn vị **D.** hàng nghìn, lớp đơn vị

Câu 3. Giá trị của biểu thức a + b × 3 với a = 1661, b = 678 là:

A. 7017 **B.** 2342 **C.** 3705 **D.** 3695

Câu 4. Tổng của hai số là 1950, số lớn hơn số bé 390 đơn vị. Số bé là:

A. 390 **B.** 975 **C.** 1170 **D.** 780

Câu 5. Năm 1074 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XII **B.** thế kỉ X **C.** thế kỉ IX **D.** thế kỉ XI

Câu 6. Hình bình hành ABCD có AB = 5 cm, BC = 12 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 34 cm **B.** 20 cm **C.** 17 cm **D.** 60 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 480 216, 491 206, 481 602, 481 206, 581 206.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 5808 + 224 + 776 = ……

b) 5765 + 2718 − 765 = ……

c) 621 + 2412 + 79 = ……

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 3 với a = 5381, b = 595: ……

b) m − n + p với m = 38 789, n = 14 854, p = 5787: ……

c) (x + 1233) × 2 với x = 400: ……

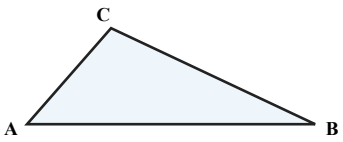
Bài 4. Một hình thoi có chu vi 88 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: …… cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: …… cm

c) Diện tích hình vuông đó: …… cm^2

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: ……

b) Số góc nhọn: ……

c) Số góc tù: ……

Bài 6. Hai thùng có tất cả 82 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 32 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: …… l

b) Thùng thứ hai: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 38

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	D	D	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 480 216, 481 206, 481 602, 491 206, 581 206

b) 581 206 − 480 216 = 100 990

Bài 2.

a) 5808 + (224 + 776) = 5808 + 1 000 = 6808

b) (5765 − 765) + 2718 = 5000 + 2718 = 7718

c) (621 + 79) + 2412 = 700 + 2412 = 3112

Bài 3.

a) 5381 + 595 × 3 = 5381 + 1785 = 7166

b) 38 789 − 14 854 + 5787 = 23 935 + 5787 = 29 722

c) (400 + 1233) × 2 = 1633 × 2 = 3266

Bài 4.

a) 88 : 4 = 22 (cm)

b) 22 × 4 = 88 (cm)

c) 22 × 22 = 484 (cm²)

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Bài 6.

Thùng thứ nhất: (82 + 32) : 2 = 57 (l)

Thùng thứ hai: 57 − 32 = 25 (l)